

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HMPT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HMPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HMPT COMMERCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HMPT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107993921

3. Ngày thành lập: 20/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913573550

Fax:

Email: tranngocphuong1968@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý, môi giới, (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
3.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
6.	Phá dỡ	4311
7.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5510
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
15.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3812
18.	Xây dựng nhà các loại	4100
19.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Bán buôn gạo	4631
23.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng); - Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến; - Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.	4652
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	4659
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ gạo, ngô tại chợ hoặc lưu động.	4781
27.	Vận tải hành khách đường bộ khác chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
28.	Giáo dục tiểu học	8520
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7410
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Bán buôn tổng hợp	4690

33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669
34.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - bán buôn thực phẩm khác: hạt tiêu, gia vị khác	4632
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
36.	Giáo dục nghề nghiệp chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp Dạy nghề	8532
37.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
40.	Giáo dục mầm non	8510
41.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	7020
43.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	6619(Chính)
44.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Trừ cho thuê máy bay và kinh khí cầu)	7730
46.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3821
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
50.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3822
51.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
52.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: - Dịch vụ cầm đồ (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6492
53.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320
54.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
55.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
59.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
60.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
61.	Thu gom rác thải không độc hại (trừ loại nhà nước cấm)	3811
62.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (trừ loại nhà nước cấm)	3900
63.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
66.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
68.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
69.	Bán mô tô, xe máy	4541
70.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
71.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
72.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
73.	In ấn	1811

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Sáu tỷ đồng Việt Nam

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	Phòng 307, nhà A1, Tập thể Đồng Xa, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	40,000	012774835	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	40,000		
2	LÊ KIM OANH	Tổ 2, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	001162008585	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		
3	TRẦN NAM TRUNG	Tổ 20,, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	011819212	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NGỌC PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/03/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012774835

Ngày cấp: 22/04/2005

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 307, nhà A1, Tập thể Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 26, ngõ 76, phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội